TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI
PHÒNG ĐBCL &TT

Số: 10/BC-ĐBCL&TT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT TRIỂN KHAI LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI ĐÁNH GIÁ KHÓA HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỚC KHI TỐT NGHIỆP NĂM HỌC 2021 - 2022

Kính gửi: - Ban Giám hiệu
-Trưởng các đơn vị Khoa, Trung tâm

Căn cứ Quyết định số 806/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 07 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành quy định về công tác Đảm bảo chất lượng đào tạo của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội;

Quyết định số 413/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc ban hành Quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan;

Thực hiện Kế hoạch số 543/KH-ĐHSPTDTTHN ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội về việc tổ chức lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan năm học 2021 – 2022;

Thực hiện Kế hoạch số 05/KH-ĐBCL&TT ngày 2 tháng 4 năm 2022 về việc lấy ý kiến khảo sát sinh viên trước khi tốt nghiệp K14 ĐHLTCQ, K15 LT từ CĐ lên ĐH (VLVH) và K51 ĐHCQ niên khóa 2018-2022;

Phòng ĐBCL&TT đã triển khai lấy ý kiến phản hồi đánh giá khóa học của sinh viên trước khi tốt nghiệp năm học 2021 - 2022 qua tổng hợp kết quả như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Mục đích khảo sát

- Giúp cán bộ quản lý có cơ sở đánh giá thực trạng chất lượng đào tạo của nhà trường có căn cứ điều chỉnh chương trình đào tạo, các hoạt động giảng dạy của giảng viên, đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ đào tạo;

- Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giúp sinh viên hiểu rõ được mục đích, ý nghĩa, tự nguyện và trung thực trong việc cung cấp thông tin;

- Tiếp thu ý kiến đóng góp của sinh viên (SV), hiểu rõ hơn tâm tư nguyện vọng của người học trong quá trình đào tạo;

2. Đối tượng, phạm vi khảo sát:

- Đối tượng khảo sát: K15 ĐHLT từ CĐ nên ĐH (hệ VLVH)

- Phạm vi lấy ý kiến khảo sát: Tất cả sinh viên chuẩn bị nhận bằng tốt nghiệp.

3. Tổ chức thực hiện

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 06/2022

- Công cụ khảo sát: Theo mẫu phiếu khảo sát **(Phụ lục 1)**

- Nội dung khảo sát: - Bộ câu hỏi khảo sát được đánh giá với các nội dung chính là:

a) Chương trình đào tạo (gồm 7 tiêu chí);

b) Đội ngũ giảng viên (gồm 4 tiêu chí);

c) Tổ chức quản lý phục vụ đào tạo (gồm 10 tiêu chí);

d) Kiểm tra đánh giá (gồm 4 tiêu chí);

e) Cơ sở vật chất(gồm 5 tiêu chí);

f) Công tác tài chính (gồm 2 tiêu chí);

g) Đội ngũ CBQL, NV và KTV của trường (gồm 6 tiêu chí);

h) Đánh giá chung về khóa học (gồm 3 tiêu chí)

4. Phương pháp thực hiện và xử lý kết quả

- Trực tuyến bằng phần mềm Google docs.

- Kết quả đánh giá của người học thể hiện ở 5 mức độ: ***5-Rất tốt, 4-Tốt, 3-Khá, 2-Yếu, 1- Kém.*** Điểm Trung bình chung được chia thành 5 cấp độ cho từng tiêu chí theo các khoảng điểm như sau:

Khoảng điểm	Từ 4,21 đến ≤ 5	Từ 3,41 đến ≤ 4,20	Từ 2,61 đến ≤ 3,40	Từ 1,81 đến ≤ 2,60	Từ 1,0 đến ≤ 1,80
Phân loại	**Rất tốt**	**Tốt**	**Khá**	**Yếu**	**Kém**

- Tỷ lệ đánh giá hài lòng là tổng số ý kiến " Rất tốt","Tốt"/tổng số ý kiến; Tỷ lệ đánh giá bình thường là tổng số ý kiến " Khá" và " Yếu"/tổng số ý kiến; Tỷ lệ đánh giá không hài lòng là tổng số ý kiên " Kém" /tổng số ý kiến;

- Viết báo cáo kết quả sau khi có kết quả tổng hợp;

II. KẾT QUẢ

1. Kết quả tổng hợp phiếu

Trong năm học vừa qua nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi đánh giá

khóa học của sinh viên trước khi tốt nghiệp K15 ĐHLT từ CĐ nên ĐH (hệ VLVH) năm học 2021-2022 kết quả thu được như sau:

Tổng số phiếu khảo sát thu được là: 134 phiếu

- Số phiếu hợp lệ: 134 phiếu
- Số phiếu không hợp lệ: không có

Sau khi triển khai thực hiện, kết quả thu được như sau:

STT	Khóa	Lớp chuyên sâu	Tổng số sinh viên năm cuối	Tổng số sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp	Tổng số sinh viên trước khi tốt nghiệp tham gia khảo sát	Tỷ lệ %
1	K15 ĐHLT	Bóng bàn	29	29	29	100
2		Bóng chuyền	29	29	29	100
3		Điền kinh	76	76	76	100
Tổng cộng			**134**	**134**	**134**	**100**

Tổng số sinh viên K15 ĐHLT từ CĐ nên ĐH (hệ VLVH) trước khi tốt nghiệp năm học 2021 - 2022 là: 134 sinh viên.

Tổng số sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp là: 134 sinh viên.

Tỷ lệ sinh viên trước khi tốt nghiệp tham gia đánh giá trên tổng số sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp là: 100%.

Kết quả được thống kê ở **(Phụ lục 2)**

2. Kết quả đánh giá

2.1.Điểm đánh giá

+ Về chương trình đào tạo: Kết quả khảo sát 7/7 tiêu chí cho thấy nội dung và chương trình đào tạo có sự kết hợp chặt chẽ giữa kiến thức cơ bản, cơ sở chuyên ngành, các môn học trong chương trình đào tạo tích hợp được các kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành đáp ứng theo nhu cầu nguyện vọng mang lại sự hài lòng cho người học kết quả được đánh giá ở mức tốt từ 3,8/5 điểm đến 3,9/5 điểm.

+ Về đội ngũ giảng viên: Kết quả khảo sát cho thấy có 4/4 tiêu chí được đồng đánh giá ở mức tốt từ 3,9/5 điểm. Nhìn chung đội ngũ giảng viên đều có trình độ chuyên môn tốt đáp ứng yêu cầu đào tạo, bên cạnh đó cũng cần nâng cao việc tự học tự nghiên cứu, giảng viên tham gia các lớp Bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn và Hội thảo khoa học do các đơn vị khác tổ chức… nhà trường nên tạo điều kiện cho đội ngũ

giảng viên trẻ được tham dự nhiều hơn, nhất là các cuộc Hội thảo khoa học liên quan đến chuyên môn giảng dạy. Nên bố trí, chọn cử đi tập huấn, bồi dưỡng, tham gia hội thảo khoa học có cả giảng viên trẻ và giảng viên có kinh nghiệm cùng tham gia.

+ *Về tổ chức quản lý và phục vụ đào tạo:* Kết quả khảo sát 10/10 tiêu chí được sinh viên đánh giá ở mức tốt từ 3,8/5 điểm đến 3,9/5 điểm. Sinh viên được cung cấp đầy đủ thông tin về quy chế đào tạo, chương trình đào tạo thông qua các kênh thông tin website nhà trường. Bên cạnh đó vẫn có một số ý kiến cho rằng có một vài cán bộ giảng viên có thái độ không hòa nhã , không nhiệt tình với sinh viên và giải đáp các thắc mắc chưa được nhanh chóng.

+ *Về kiểm tra đánh giá:* Qua kết quả khảo sát 4/4 tiêu chí được đánh giá ở mức tốt từ 3,8/5-3,9/5 điểm. Các kỳ thi tổ chức nghiêm túc, khách quan. Các hình thức thi, kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung của từng môn học. Phòng QLĐT&CTSV cần thông báo sớm các kế hoạch thi để sinh viên chủ động thời gian không nên kéo dài các kỳ thi ảnh hưởng đến kết quả học tập. tiền học bổng, trợ cấp xã hội hàng tháng còn chậm chưa được giải quyết nhanh chóng theo đúng quy định.

+ *Về cơ sở vật chất:* Kết quả khảo sát 5/5 tiêu chí được đánh giá tốt từ 3,8/5-3,9/5 điểm trở lên. Nhìn chung cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ dạy và học của nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu học tập, có đầy đủ trang thiết bị cho sinh viên thực hành nghiên cứu. Bên cạnh đó cũng có một số ý kiến cho rằng cần cải tạo nâng cấp căng tin nhà ăn hơn nữa tăng cường công tác VSATTP, KTX cần nâng cấp sữa chữa hệ thống điện, nước để đảm bảo nhu cầu sinh hoạt hàng ngày, khu giảng đường còn vứt rác bừa ảnh hưởng đến môi trường học tập.

+ *Về công tác tài chính:* Công tác này cũng được sinh viên đánh giá có mức điểm tốt từ 3,9/5 điểm. Công tác thu chi đều được thực hiện công khai rõ ràng, chính xác nhanh chóng, cán bộ nhân viên có thái độ hòa nhã, thân thiện giải quyết rõ ràng.

+ *Về đội ngũ CBQL,NV và KTV của trường*: Kết quả khảo sát 6/6 tiêu chí được sinh viên đồng đánh giá tốt đạt số điểm 3,9/5điểm. Thái độ phục vụ của CBNV trong nhà trường có thái độ, nghiêm túc, nhiệt tình có trách nhiệm khi được giải quyết công việc.

+ *Đánh giá chung về khóa học:* Kết quả khảo sát 3/3 tiêu chí của lĩnh vực được sinh viên đều đánh giá 3,9/5 điểm. Sau 4 năm học tập tại trường sinh viên được cung

cấp những kiến thức, kỹ năng và sự tự tin cần thiết là hành trang để các em hướng tới những mục tiêu rõ ràng.

Tất cả sinh viên toàn khóa đều tham gia đầy đủ lấy ý kiến khảo sát 100% từ đó có những góc nhìn khách quan về hoạt động đào tạo của nhà trường để đánh giá về chất lượng đào tạo mang lại hiệu quả cao.

2.2. Tỷ lệ đánh giá hài lòng

Kết quả khảo sát tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên được lấy ý kiến phản hồi đánh giá khóa học của sinh viên trước khi tốt nghiệp đạt tỷ lệ từ 84,97% - 90,98 % của các lĩnh vực cụ thể như sau:

a) Chương trình đào tạo (gồm 7 tiêu chí);

Tiêu chí này được sinh viên đánh giá ở mức tốt trở nên dao động từ 87,31% - 91,05%; còn ở mức khá tỷ lệ đánh giá của sinh viên chỉ ở mức từ 2,24% - 5,22%; ở mức yếu có các tiêu chí sau: *Mức độ phù hợp của nội dung chương trình đào tạo với các chuẩn đầu ra;Mục tiêu của chương trình đào tạo đáp ứng ở mức nào với năng lực sinh viên khi tốt nghiệp;Các môn học trong chương trình đào tạo tích hợp được các kiến thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra của ngành đã công bố; Sinh viên hiểu rõ được chuẩn đầu ra của ngành đào tạo về kiến thức, kỹ năng và thái độ người học cần đạt được.*

b) Đội ngũ giảng viên (gồm 4 tiêu chí);

Ở lĩnh vực này tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên ở mức tốt trở lên dao động từ 88,81% - 89,56%; còn ở mức khá tỷ lệ đánh giá của sinh viên từ 1.49% - 5,22%; các tiêu chí ở mức đánh giá kém 1,49% là: *Phương pháp giảng dạy của giảng viên dễ hiểu, phù hợp với sinh viên;Giảng viên có hướng dẫn sinh viên tự học,sẵn sàng trao đổi về nội dung môn học với sinh viên.*

c) Tổ chức quản lý phục vụ đào tạo (gồm 10 tiêu chí);

Ở lĩnh vực này tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên ở mức tốt trở lên dao động từ 86,47% - 90,30%; còn ở mức khá tỷ lệ đánh giá của sinh viên từ 0,75% - 6,77%; Ở mức yếu có 3 tiêu chí sinh viên đánh giá như sau: *Việc triển khai cho sinh viên đi thực tập gắn liền với thực tiễn tại các cơ quan hợp lý khoa học đạt hiệu quả; Cán bộ nhân viên các phòng khoa trung tâm có thái độ phục vụ sinh viên tận tình, thân thiện;*Còn lại mức đánh giá yếu nhất 0,75% là*: Các chế độ chăm sóc sức khỏe y tế*

học đường và cải thiện sức khỏe của nhà trường đối với sinh viên.

d) Kiểm tra đánh giá (gồm 4 tiêu chí);

Ở lĩnh vực này tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên ở mức tốt trở lên rất cao dao động từ 87,97% - 91,04%; còn ở mức khá tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên từ 1,50% - 6,02% tiêu chí này có một số sinh viên đánh giá ở mức yếu như sau: *Tổ chức thi kiểm tra chấm bài tập, thực tập, tiểu luận đánh giá đảm bảo nghiêm túc khách quan chính xác và công bằng là 1,50%.*

e) Cơ sở vật chất (gồm 5 tiêu chí);

Ở lĩnh vực này tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên ở mức tốt trở lên dao động từ 84,97% - 89,55%; còn ở mức khá tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên từ 1.49% - 8,27%; Ở mức yếu có 3 tiêu chí được đánh giá như sau: *Trang bị phòng thực hành thí nghiệm có đảm bảo chất lượng phục vụ công tác học tập và nghiên cứu khoa học; Cơ sở vật chất ký túc xá đáp ứng tốt cho sinh viên nội trú; Căng tin trong trường phục vụ tốt nhu cầu ăn uống của sinh viên* có một số sinh viên đánh giá ở mức 1.49%.

f) Công tác tài chính (gồm 2 tiêu chí);

Ở lĩnh vực này tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên ở mức tốt trở lên dao động từ 89,48% - 90,23%; còn ở mức khá tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên từ 1.50% - 5.26% tiêu chí có mức yếu: *Công tác thu – chi tài chính liên quan đến sinh viên của nhà trường được thực hiện công khai, rõ ràng, chính xác và thuận lợi cho sinh viên là 1,50%*

g) Đội ngũ CBQL, NV và KTV của trường (gồm 6 tiêu chí);

Ở lĩnh vực này tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên ở mức tốt trở lên dao động từ 88,06% - 92,43%; còn ở mức khá tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên từ 1.50% - 6,72%; Ở mức yếu có 03 tiêu chí: *Mức độ hài lòng của sinh viên về đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên và kỹ thuật viên của trường* đánh giá ở mức 1.50 %; Tiêu chí *Thái độ phục vụ khi được yêu cầu giải quyết công việc thuộc phạm vi trách nhiệm (vui vẻ,thân thiện,nhiệt tình)* đánh giá ở mức 1,52% *và Tiêu chí giải quyết công việc nhanh chóng,kịp thời đảm bảo tốt yêu cầu nghiệp vụ* là 1,54%.

h) Đánh giá chung về khóa học (gồm 3 tiêu chí).

Ở lĩnh vực này tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên ở mức tốt trở lên rất cao dao động từ 90,00% - 90,23%; còn ở mức khá tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên

chỉ từ 2,24% - 4,51%;

Qua bảng tổng hợp kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi sinh viên trước khi tốt nghiệp đối vối K15 ĐHLT từ CĐ nên ĐH hệ (VLVH) đã tham gia đầy đủ 100% với 41 tiêu chí của 8 lĩnh vực được lấy ý kiến đánh giá của sinh viên đều nhận được mức đánh giá tốt và tỷ lệ đánh giá hài lòng đối với các tiêu chí cụ thể như sau:

+ Ở mức Tốt trở lên tỷ lệ đánh giá hài lòng sinh viên trước tốt nghiệp dao động từ 84,97% - 92,43%. Tỷ lệ đánh giá hài lòng ở từng lĩnh vực cũng đạt từ 87,53% - 90,70%.

+ Ở mức Khá tỷ lệ đánh giá hài lòng sinh viên trước tốt nghiệp dao động từ 2,24% - 8,33%

+ Ở mức Yếu có 13/41 tiêu chí đánh giá tỷ lệ đánh giá 0,75% - 3,73%.

+ Có 12/41 tiêu chí đạt tỷ lệ đánh giá yếu hơn chiếm 0,75% - 1,54% bao gồm các tiêu chí sau: *Phương pháp giảng dạy của giảng viên dễ hiểu, phù hợp với sinh viên;Giảng viên có hướng dẫn sinh viên tự học,sẵn sàng trao đổi về nội dung môn học với sinh viên; Việc triển khai cho sinh viên đi thực tập gắn liền với thực tiễn tại các cơ quan hợp lý khoa học đạt hiệu quả; Cán bộ nhân viên các phòng khoa trung tâm có thái độ phục vụ sinh viên tận tình,thân thiện; Các chế độ chăm sóc sức khỏe y tế học đường và cải thiện sức khỏe của nhà trường đối với sinh viên; Tổ chức thi kiểm tra chấm bài tập, thực tập, tiểu luận đánh giá đảm bảo nghiêm túc khách quan chính xác và công bằng;*

Trang bị phòng thực hành thí nghiệm có đảm bảo chất lượng phục vụ công tác học tập và nghiên cứu khoa học; Cơ sở vật chất ký túc xá đáp ứng tốt cho sinh viên nội trú; Căng tin trong trường phục vụ tốt nhu cầu ăn uống của sinh viên; Công tác thu –chi tài chính liên quan đến sinh viên của nhà trường được thực hiện công khai, rõ ràng,chính xác và thuận lợi cho sinh viên; Thái độ phục vụ khi được yêu cầu giải quyết công việc thuộc phạm vi trách nhiệm (vui vẻ,thân thiện,nhiệt tình);Giải quyết công việc nhanh chóng,kịp thời đảm bảo tốt yêu cầu nghiệp vụ;Mức độ hài lòng của sinh viên về dội ngũ cán bộ quản lý,nhân viên và kỹ thuật viên của trường.

Số liệu được trình bày ở ***(Phụ lục 3).***

3. Kiến nghị

- Nhìn vào bảng báo cáo cho thấy hầu hết sinh viên đều nhất trí với các ý kiến

khảo sát trên, tuy nhiên cũng có một số lĩnh vực sinh viên đánh giá còn yếu để khắc phục những vấn đề trên các đơn vị cần quan tâm, điều chỉnh sao cho phù hợp với nội dung chương trình đào tạo.

- Nhà trường cần đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất như phòng học, máy tính, âm thanh, ánh sáng, mạng internet, để phục vụ tốt hơn nhu cầu của sinh viên và giảng viên.

- Điều chỉnh phong cách thái độ phục vụ của viên chức một số đơn vị nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong xu thế hội nhập.

- Nâng cao trình độ chuyên môn và phương pháp giảng dạy của đội ngũ giảng viên.

4. Nhận xét chung.

- Việc khảo sát sinh viên năm cuối đánh giá chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục trước khi tốt nghiệp, để biết được nhu cầu nguyện vọng của người học nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Những thông tin do người học cung cấp sẽ góp phần quan trọng vào việc đánh giá thực trạng của chương trình đào tạo, của đội ngũ giảng viên, hệ thống cơ sở vật chất, thư viện và thái độ phục vụ của viên chức. Qua đây trường có thêm những căn cứ khoa học để điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo, phương pháp dạy học của giảng viên, đầu tư thêm cơ sở vật chất phục vụ người học tốt hơn để đáp ứng ngày càng cao nhu cầu xã hội.

Phòng ĐBCL&TT tiếp tục duy trì công tác này và triển khai lấy ý kiến rộng rãi tới tất cả sinh viên, học viên các chương trình đào tạo./.

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các đơn vị (để biết và t/h);
- Đăng website của Trường;
- Lưu: ĐBCL&TT.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG PHÒNG ĐBCL&TT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

Lê Học Liêm

Phụ lục 2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỂM ĐÁNH GIÁ SINH VIÊN TRƯỚC TỐT NGHIỆP RA TRƯỜNG NĂM HỌC 2021 - 2022

(kèm theo báo cáo số: 10 /BC-ĐBCL&TT ngày 10 tháng 8 năm 2022)

Lớp	Chương trình đào tạo							Đội ngũ giảng viên				Tổ chức quản lý và phục vụ đào tạo										Kiểm tra đánh giá				Cơ sở vật chất					CT Tài chính		Đội ngũ CBQL,NV và KTV của trưởng						Đánh giá chung		
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*1*	*2*	*3*	*4*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*1*	*2*	*3*	*4*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*1*	*2*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*1*	*2*	*3*
Bóng bàn	3.7	3.9	3.9	3.8	3.9	3.9	3.9	3.8	3.9	3.9	3.8	3.9	3.8	3.8	3.9	3.8	3.9	3.9	3.9	3.9	3.9	3.8	3.9	3.9	3.9	3.9	3.9	3.8	3.9	3.8	3.8	3.9	3.8	3.9	3.9	3.9	3.9	3.9	3.9	3.9	3.9
Bóng chuyền	3.3	3.2	3.3	3.2	3.3	3.4	3.3	3.3	3.3	3.3	3.3	3.2	3.4	3.4	3.3	3.4	3.4	3.3	3.3	3.3	3.3	3.3	3.3	3.3	3.3	3.2	3.3	3.2	3.3	3.3	3.3	3.5	3.3	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4	3.5	3.5
Điền kinh	4.0	4.0	4.1	4.0	4.0	4.1	4.1	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.1	4.0	4.0	4.0	4.0	4.1	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.1	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.1	4.0	4.1	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	3.8
Điểm CBT	3.6	3.7	3.7	3.6	3.7	3.8	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7	3.6	3.7	3.7	3.7	3.8	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7	3.7	3.8	3.7

Phụ lục 3

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM HÀI LÒNG CỦA SINH VIÊN TRƯỚC TỐT NGHIỆP RA TRƯỜNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	PHẦN NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN	Tỷ lệ %					TLĐGĐT
		Rất tốt	Tốt	Khá	Yếu	*Kém*	
	I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO						
1	Mức độ phù hợp của nội dung chương trình đào tạo với các chuẩn đầu ra	5,97	82,84	3,73	2,24	5,22	88.81
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo đáp ứng ở mức nào với năng lực sinh viên khi tốt nghiệp	4,48	83,58	5,22	2,24	4,48	88.06
3	Tỷ lệ phân bổ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành	6,72	84,33	2,24	3,73	2,99	91.05
4	Chương trình đào tạo được thiết kế, tạo điều kiện thuận lợi cho SV lựa chọn theo nhu cầu, nguyên vọng học tập	5,97	81,34	5,22	2,99	4,48	87.31
5	Các môn học trong chương trình đào tạo tích hợp được các kiến thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra của ngành đã công bố	7,46	81,34	5,22	2,24	3,73	88.80
6	Mức độ gắn kết giữa các khối kiến thức và kiến thức thực tế trong nội dung chương trình đào tạo	7,46	82,84	3,73	2,99	2,99	90.30
7	Sinh viên hiểu rõ được chuẩn đầu ra của ngành đào tạo về kiến thức, kỹ năng và thái độ người học cần đạt được	8,21	80,60	5,22	2,24	3,73	88.81
	TLĐG LV						**89.02**
	II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN						
1	Trình độ chuyên môn của giảng viên đáp ứng yêu cầu đào tạo	6,72	82,09	5,22	2,24	3,73	88.81
2	Phương pháp giảng dạy của giảng viên dễ hiểu, phù hợp với sinh viên	6,72	82,84	4,48	1,49	4,48	89.56
3	Giảng viên có hướng dẫn sinh viên tự học, sẵn sàng trao đổi về nội dung môn học với sinh viên	5,97	83,58	4,48	1,49	4,48	89.55

4	Việc thực hiện giờ lên lớp, kế hoạch giảng dạy và khả năng sử dụng các thiết bị hỗ trợ dạy học của giảng viên	5,97	82,84	5,22	2,24	3,73	88.81
	TLĐG LV						**89.18**
	III. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO						
1	Nhà trường cung cấp đầy đủ thông tin về quy chế đào tạo, chương trình đào tạo, quy chế học sinh sinh viên và phương pháp kiểm tra đánh giá từ đầu khóa tới sinh viên.	6,72	82,09	4,48	2,24	4,48	88.81
2	Việc triển khai cho sinh viên đi thực tập gắn liền với thực tiễn tại các cơ quan hợp lý khoa học đạt hiệu quả	7,46	82,84	3,73	1,49	4,48	90.30
3	Cán bộ, nhân viên các phòng/khoa/trung tâm có thái độ phục vụ sinh viên tận tình, thân thiện.	7,46	82,09	4,48	1,49	4,48	89.55
4	Các phòng chức năng giải quyết các thắc mắc kiến nghị của sinh viên, nhanh chóng, thuận lợi, thỏa mãn các yêu cầu	6,02	84,21	3,01	2,26	4,51	90.23
5	Các chế độ chính sách xã hội, học bổng khuyến khích học tập của nhà trường được triển khai tới SV theo đúng quy định.	5,97	80,60	6,72	3,73	2,24	86.57
6	Các chế độ chăm sóc sức khỏe, y tế học đường và cải thiện sức khỏe của nhà trường đối với sinh viên.	8,27	79,70	6,77	0,75	4,51	87.97
7	Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ sinh viên được thực hiện đầy đủ và có hiệu quả	6,82	82,58	4,55	2,27	3,79	89.40
8	Hoạt động của các tổ chức Đảng/Đoàn/Hội có hiệu quả, tác dụng tốt trong học tập và rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống của sinh viên	5,97	83,58	4,48	2,24	3,73	89.55
9	Các thông tin về hoạt động đào tạo đa dạng, phong phú và cập nhật thường xuyên trên website nhà trường.	7,52	78,95	6,77	3,01	3,76	86.47
10	Hàng năm, nhà trường tổ chức có hiệu quả các buổi đối thoại trực tiếp giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường/ các tổ chức Đoàn/Hội sinh viên.	5,97	83,58	4,48	2,24	3,73	89.55
	TLĐG LV						**88.84**
	IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ						
1	Mức độ đa dạng hóa các hình thức thi, kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung môn học	5,97	85,07	2,99	2,24	3,73	91.04

2	Tổ chức thi, kiểm tra, chấm bài tập, thực tập, tiểu luận đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng	7,52	82,71	3,76	1,50	4,51	90.23
3	Các kế hoạch thi, kiểm tra được thông báo rõ ràng, kịp thời cho sinh viên	5,97	84,33	3,73	2,24	3,73	90.30
4	Kết quả học tập của SV được thông báo kịp thời tới SV	6,02	81,95	6,02	2,26	3,76	87.97
	TLĐG LV						**89.88**
	V. CƠ SỞ VẬT CHẤT						
1	Cơ sở vật chất nhà trường (giảng đường, bàn ghế, phương tiện nghe nhìn dùng cho việc học, sân vận động, chỗ gửi xe)	5,97	83,58	3,73	2,24	3,73	89.55
2	Trang thiết bị phòng thực hành thí nghiệm có đảm bảo chất lượng phục vụ công tác học tập và nghiên cứu khoa học	6,77	78,20	8,27	1,50	5,26	84.97
3	Cơ sở vật chất ký túc xá đáp ứng tốt cho sinh viên nội trú	7,52	81,95	3,76	1,50	5,26	89.47
4	Cảnh quan vệ sinh môi trường sạch đẹp	6,82	78,79	8,33	2,27	3,79	85.61
5	Căng tin trong trường phục vụ tốt nhu cầu ăn uống của sinh viên	5,97	82,09	5,22	1,49	5,22	88.06
	TLĐG LV						**87.53**
	VI. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH						
1	Công tác thu - chi tài chính liên quan đến sinh viên của nhà trường được thực hiện công khai, rõ ràng, chính xác và thuận lợi cho sinh viên	6,02	84,21	5,26	1,50	3,01	90.23
2	Cán bộ, nhân viên trong phòng Kế hoạch – Tài chính có tinh thần và thái độ đúng mực, thân thiện trong giải quyết công việc phục vụ sinh viên.	6,77	82,71	4,51	3,01	3,01	89.48
	TLĐG LV						
	VII.ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, NHÂN VIÊN VÀ KỸ THUẬT VIÊN CỦA TRƯỜNG						
1	Thái độ nghiêm túc, nhiệt tình và có trách nhiệm khi được yêu cầu giải quyết công việc thuộc phạm vi đảm nhận	7,58	83,33	3,03	2,27	3,79	90.91
2	Thái độ phục vụ khi được yêu cầu giải quyết công việc thuộc phạm vi trách nhiệm (vui vẻ, thân thiện, nhiệt tình)	7,58	84,85	2,27	1,52	3,79	92.43
3	Quy trình giải quyết công việc đảm bảo tính khoa học, rõ ràng và đúng quy định	6,72	81,34	6,72	2,24	2,99	88.06

4	Giải quyết công việc nhanh chóng, kịp thời đảm bảo tốt yêu cầu nghiệp vụ	6,92	83,08	5,38	1,54	3,08	90.00
5	Luôn tạo điều kiện thuận lợi khi đến làm việc tại Phòng	7,58	82,58	3,79	2,27	3,79	90.16
6	Mức độ hài lòng của Sinh viên về đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên và kỹ thuật viên của Trường	6,77	83,46	4,51	1,50	3,76	90.23
	TLĐG LV						**90.29**
	VIII. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KHÓA HỌC						
1	Sinh viên được cung cấp đủ những kiến thức và các kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	8,27	82,71	4,51	2,26	3,01	90.98
2	Mức độ tự tin về kiến thức, kỹ năng của sinh viên khi tốt nghiệp	7,58	83,33	3,03	3,03	3,03	90.91
3	Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của nhà trường	7,46	82,84	4,48	2,24	2,99	90.30
	TLĐG LV						**90.70**

* Ghi chú:

- TLĐGĐT: là Tỷ lệ đánh giá đối tượng: Đánh giá từ mức tốt và rất tốt/số phiếu trả lời
- TLĐGLV: là Tỷ lệ đánh giá lĩnh vực/ Tỷ lệ đánh giá đối tượng

TRƯỞNG PHÒNG

Lê Học Liêm

Người lập

Nguyễn Thị Hiền